TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2024/HS-ST
Ngày: 22/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK.
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Minh Thuấn.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

Ông: Phan Ngọc Đài
Bà: Nguyễn Thị Chinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 , tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 12/2024/HSST ngày 02 tháng 4 năm 2024 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 99/04/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/HSST-QĐ ngày 07/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trương Thị A; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1963 tại: Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trương Thái (đã chết), Họ tên mẹ: Đặng Thị N (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; Con: Có 06 con (lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995). Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Thị Phương T (Tên gọi khác: Ú); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1996, tại: Tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKHKTT: TDP 7, thị trấn huyện K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trần Văn D, sinh năm 1973; Họ tên mẹ: Biện Thị Phương T1, sinh năm 1973; Chồng: Lê Văn H1, sinh năm 1984; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Trần Thị N1 (Tên gọi khác: T2); Giới tính: Nữ; Sinh năm 1966, tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKHKTT: TDP G, thị trấn huyện K, huyện K, tỉnh Đắk

Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trần N2 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị S (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn N3 (đã chết); Con: 07 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Phan Thị T3; (Tên gọi khác: H2); Giới tính: Nữ. Sinh năm 1965, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố Phan Văn G (Già yếu); Họ tên mẹ: Trần Thị H3 (đã chết); Chồng: Trần Văn N4 (đã chết); Con: 07 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1995. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 05/11/2020, bị Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai ra Quyết định số 159/QĐ-XPVPHC, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép với số tiền 1.500.000 đồng. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Hồ H4; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở hiện tại: thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Thợ xây; Trình độ học vấn: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Hồ Xây (đã chết); Họ tên mẹ: Hà Thị M, sinh năm 1953; Vợ: Nguyễn Thị T4; Con: có 01 con, sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn T5; Giới tính: Nam; Sinh năm 1967, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Họ tên bố: Nguyễn H5 (đã chết); Họ tên mẹ: Hoàng Thị K (Già yếu); Vợ: Nguyễn Thị C; Con: có 04 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Văn Thị Xuân L; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1954, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Họ tên bố: Văn Mại (đã chết); Họ tên mẹ: Dương Thị T6 (Già yếu); Chồng: Hoàng Văn L1 (đã chết); Con: Có 06 con, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: Nguyễn Thị T7; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1965, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Họ tên bố: Nguyễn L2 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N5 (Già yếu); Chồng: Hà Thanh X (đã chết); Con; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất

sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Trần Thị H6; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1976, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKHKTT: thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Họ tên bố: Trần Văn L3 (đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị G1 (sinh năm 1942). Chồng Nguyễn Minh H7 (đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2024, đến ngày 13/01/2024 được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà: Nguyễn Thị Thanh T8, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông: Trần Văn P, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP B, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Ông: Lê Văn N6, sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP B, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Trương Thị A, Trần Thị N1, Trần Thị Phương T, Phan Thị T3, Nguyễn Thị T7, Hồ H, Văn Thị Xuân L, Nguyễn T5, Trần Thị H6 *bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố về hành vi phạm tội như sau:*

Khoảng 13 giờ 00 ngày 05/01/2024, Trương Thị A và Nguyễn Thị Thanh T8 đang ở nhà tại thôn L, xã P, huyện K thì có Trần Thị Phương T, Trần Thị N1 và Phan Thị T3 đến chơi. Trong lúc ngồi chơi nói chuyện, bị cáo A rủ T, N1 và T3 cùng đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền thì tất cả đều đồng ý. Sau đó, Anh lấy đĩa sứ và một bộ bài tú lơ khơ có sẵn ở nhà cùng các bị can T, N1 và T3 đi vào phòng ngủ thứ 3 của gia đình rồi dùng chăn, tấm thảm, nệm có sẵn trong phòng bắt đầu đánh bạc. Nghe thấy mẹ và mọi người rủ nhau đánh bạc nên T8 cũng đi theo vào phòng cùng tham gia đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc, Anh có khoảng 500.000 đồng, N1 có khoảng 300.000 đồng, T3 có khoảng 800.000 đồng, T có khoảng 500.000 đồng, T8 có khoảng 400.000 đồng. Trước khi đánh bạc, Anh thu của N1, T và T3 mỗi người 10.000 đồng tiền xâu để lấy bài, dọn dẹp.

Cách thức như sau: Sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 lá gồm các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, A chia đều cho mỗi con bạc 2 lá bài để đánh bài xì lát ăn thua bằng tiền Việt Nam đồng. Quy ước bài lớn nhất là xì bàn (bài gồm 2 lá cùng lá A (xì), rồi đến xì lát (bài gồm 2 lá trong đó có một lá là A lá còn lại là một trong các lá bài 10, J, Q, K (đều được tính 10 điểm), đến ngũ linh (bài gồm 5 lá nhưng điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 21). Các lá bài 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được tính điểm bằng số thứ tự các lá bài đó, các con bài 10, J, Q, K đều được tính là 10 điểm riêng lá A có thể tính là 1 điểm, 10 điểm hoặc 11 điểm. Sau khi chia bài xong các con bạc có thể

rút thêm bài nhưng không quá 3 lá bài, nhà cái và các con bạc tính điểm để phân định thắng thua, 21 điểm là lớn nhất vượt qua 21 điểm gọi là quá (quắc), bài phải đủ từ 16 đến 21 điểm riêng nhà cái thì bài đủ từ 15 đến 21, nếu bài của con bạc dưới 16 thì phải đền. Khi nhà cái lật bài của các con bạc nếu bài nhà cái lớn hơn thì nhà cái ăn tiền đặt cược của các con bạc nếu nhỏ hơn thì nhà cái phải trả số tiền tương đương số tiền các con bạc đặt cược. Các con bạc quy ước mỗi người làm cái 03 ván thì chuyển cho người tiếp theo phía bên tay phải, nếu người nào không muốn làm cái thì chuyển cho người tiếp theo bên tay phải liền kề.

Đánh bạc được một lúc thì T8 thua hết tiền nên nghỉ đánh và ngồi lại xem mọi người đánh bạc. Sau khi T8 nghỉ lần lượt có các bị can Nguyễn Thị T7, Hồ H, Văn Thị Xuân L, Nguyễn T5 và Trần Thị H6 đến rồi cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo A, N1, T và T3. Khi đánh bạc, T5 có 2.150.000 đồng; H4 có khoảng 1.200.000 đồng, L có khoảng 600.000 đồng, T7 có khoảng 1.700.000 đồng, H6 có khoảng 350.000 đồng. Tình đóng 50.000 đồng tiền xâu, H6 đóng tiền xâu 10.000đ cho bị cáo A.

Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 15 giờ 00 cùng ngày thì bị Cơ quan Công an huyện K kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.260.000 đồng cùng một số công cụ, phương tiện liên quan đến việc đánh bạc, thu giữ trên người các đối tượng số tiền tổng cộng 3.900.000 đồng.

Các bị cáo khai nhận sử dụng toàn bộ số tiền có trên người để tham gia đánh bạc, riêng bị cáo T7 khai nhận chỉ sử dụng khoảng 300.000đ để đánh bạc còn lại 1.400.000 đồng không sử dụng để đánh bạc.

Vật chứng thu giữ: Số tiền: 9.160.000 đồng. Trong đó thu giữ trên chiếu bạc số tiền 5.260.000 đồng; Thu giữ của Nguyễn T5 số tiền 1.850.000 đồng, của Phan Thị T3 số tiền 650.000 đồng, của Nguyễn Thị T7 số tiền 1.400.000 đồng; 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 tấm thảm xốp màu xanh; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tấm nệm màu tím; 01 ga nệm màu tím; 01 chiếc chăn màu đỏ xanh;

Quá trình bắt quả tang còn thu giữ: của Nguyễn T5 01 xe mô tô hiệu HONDA AIR BLADE biển kiểm soát 47E1-518.96; của Phan Thị T3 01 xe mô tô hiệu HONDA DREAM biển kiểm soát 47K6-4034; của Nguyễn Thị T7 01 xe mô tô hiệu HONDA BLADE biển kiểm soát 47E1-364.69; của Văn Thị Xuân L 01 xe mô tô hiệu HONDA WAVE ALPHA biển kiểm soát 81D1-240.23; của Trần Thị H6 01 xe mô tô hiệu HONDA WAVE RSX biển kiểm soát 47E1-439.75; của Trần Thị Phương T 01 xe mô tô hiệu YAMAHA JUPITER biển kiểm soát 47E1-020.07.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 01/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng đã truy tố các bị cáo Trương Thị A, Trần Thị N1, Trần Thị Phương T, Phan Thị T3, Nguyễn Thị T7, Hồ H4, Văn Thị Xuân L, Nguyễn T5 và Trần Thị H6 về tội: "*đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đã công bố. Sau khi phân tích, đánh giá

tính chất của vụ án, chứng minh rõ hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị T3 từ 06 đến 09 tháng tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị A, từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt các bị cáo Trần Thị N1, Nguyễn Thị T7, Trần Thị Phương T, Hồ H4, Nguyễn T5 mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Văn Thị Xuân L, Trần Thị H6 mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 BLTTHS. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự: Đề nghị tuyên tịch thu sung công số tiền thu trên chiếu bạc 5.260.000 đồng; Thu giữ của Nguyễn T5 số tiền 1.850.000 đồng, của Phan Thị T3 số tiền 650.000 đồng. Đây là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc cần được tịch thu sung công quỹ.

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 tấm thảm xốp màu xanh; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tấm nệm màu tím; 01 ga nệm màu tím; 01 chiếc chăn màu đỏ xanh, đây là những công cụ, phương tiện liên quan đến việc đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

T9 trả lại số tiền 1.400.000 đồng cho bị cáo Nguyễn Thị T7, tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để bảo đảm công tác thi hành án.

Công nhận Cơ quan CSĐT đã trả lại: 01xe mô tô biển kiểm soát 47E1- 518.96 cho bị cáo Nguyễn Tình . 01xe mô tô 47K6- 4034 cho ông Trần Văn P. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-439.75 cho Trần Thị H6. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-304 cho Nguyễn Thị T7. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-020.07 ông Lê Văn N6.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm với đại diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật

tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Hành vi của các bị cáo thể hiện: Xuất phát từ ý thức muốn có tiền bằng hình thức sát phạt lẫn nhau, khoảng 13 giờ đến 15 giờ ngày 05/01/2024 tại thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Trương Thị A, Trần Thị N1, Trần Thị Phương T, Phan Thị T3, Nguyễn Thị T7, Hồ H4, Văn Thị Xuân L, Nguyễn T5 và Trần Thị H6 đã cùng tham gia thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì lát thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 7.760.000 đồng. Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự

Khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là những công dân có đủ khả năng nhận thức, biết rõ đánh bạc trái phép là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị, nhưng với ý thức coi thường pháp luật, với động cơ vụ

lợi nên các bị cáo tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh bài xì lác thắng thua bằng tiền. Hành vi của các bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần có một hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo đã gây ra, để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn các bị cáo đều là người thực hành nên cần phân tích các hành vi, vai trò của từng bị cáo, qua đó để đánh giá mức độ, tính chất hành vi của từng bị cáo để đưa ra hình phạt tương ứng với hành vi của từng bị cáo.

[4.1] Trong vụ án này bị cáo Phan Thị T3 là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội, thể hiện tính chất coi thường pháp luật của bị cáo, vì vậy cần có một hình phạt nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[4.2] Đối với các bị cáo Trương Thị A, Hồ H4, Nguyễn Tình đây là những bị cáo tham gia đánh bạc một cách tích cực, thể hiện sự coi thường pháp luật, các bị

cáo dung số tiền nhiều hơn các bị cáo khác để đánh bạc do đó cũng cần có hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi của các bị cáo.

[4.3] Đối với các bị cáo Trần Thị N1, Nguyễn Thị T7, Trần Thị Phương T đây là những bị cáo tham gia đánh bạc một cách tích cực, thể hiện sự coi thường pháp luật, tuy nhiên số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ít hơn các bị cáo A, H4, T5 do đó cũng cần có hình phạt nhẹ hơn các bị cáo trên.

[4.4] Đối với các bị cáo Văn Thị Xuân L, Trần Thị H6 đây là những bị cáo tham gia đánh bạc một cách tích cực, tuy nhiên số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác trong vụ án do đó các bị cáo chịu tránh nhiệm hình sự nhẹ hơn các bị cáo khác.

[4.5] Tuy nhiên xét nhân thân các bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, sau khi phạm tội bị xử lý các bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo. Bị cáo Trương Thị A, Hồ H4, N Trần Thị N1, Nguyễn Thị T7, Trần Thị Phương Văn Thị Xuân L4, Trần Thị H6 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Số lượng tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc không lớn. Do đó khi xem xét lượng hình HĐXX cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật Nhà Nước. Đối với các bị cáo Trương Thị A, Hồ H4, Nguyễn T5, Trần Thị N1, Nguyễn Thị T7, Trần Thị P1 đều có nơi cư trú rõ ràng nên có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã
hội, dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng cải tạo,
giáo dục các bị cáo. Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Văn Thị Xuân L4, Trần Thị H6 cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[5] Xét các bị cáo đều làm nông, có thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[6] Trong vụ án này còn có Nguyễn Thị Thanh T8 tham gia đánh bạc. Tuy nhiên thời điểm T8 đánh bạc, số tiền của T8 và các đối tượng khác cùng tham gia không đủ 5.000.000 đồngvà T8 cũng chưa bị kết án hoặc xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử phạt hành chính Nguyễn Thị T8 là đúng quy định.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tịch thu sung công số tiền Đối với số tiền thu trên chiếu bạc 5.260.000 đồng; Thu giữ của Nguyễn T5 số tiền 1.850.000 đồng, của Phan Thị T3 số tiền 650.000 đồng. Đây là tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc cần được tịch thu sung công quỹ.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 tấm thảm xốp màu xanh; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tấm nệm màu tím; 01 ga nệm màu tím; 01 chiếc chăn màu đỏ xanh, đây là những công cụ, phương tiện liên quan đến việc đánh bạc nhưng không còn giá trị sử dụng, đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Tiếp tục tạm giữ 200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị T7 để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo T7 số tiền 1.200.000 đồng đã thu giữ.

- Công nhận Cơ quan CSĐT đã trả lại: 01xe mô tô biển kiểm soát 47E1-518.96 cho bị cáo Nguyễn Tình . 01xe mô tô 47K6- 4034 cho ông Trần Văn P. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-439.75 cho Trần Thị H6. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-304 cho Nguyễn Thị T7. 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-020.07 ông Lê Văn N6.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 81D1-240.23 tạm giữ của Văn Thị Xuân L4, quá trình điều tra xác định: Chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô là bà Siu H8' Joan. Tuy nhiên quá trình xác minh Cơ quan điều tra chưa làm việc được với bà Siu Hỉ J do bà Siu H8' Joan vắng mặt tại địa phương. Do đó, Cơ quan điều tra tách hồ sơ tiếp tục xác minh đối với chiếc xe mô tô hiệu HONDA WAVE ALPHA mang biển số 81D1-240.23.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trương Thị A, Trần Thị N1, Trần Thị Phương T, Phan Thị T3, Nguyễn Thị T7, Hồ H4, Văn Thị Xuân L4, Nguyễn T5, Trần Thị H6 phạm tội *"Đánh bạc"*.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* Phan Thị T3 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* Trương Thị A 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 11 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* Hồ Hà 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 11 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* Nguyễn Tình 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 11 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* Trần Thị N1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 08 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* Nguyễn Thị T7 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 08 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- *Xử phạt:* Trần Thị Phương T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 09 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2024 đến ngày 13/01/2024) bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn phải chấp hành là 08 tháng 03 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Trương Thị A, Hồ H4, Nguyễn T5 và Nguyễn Thị T7 cho Ủy ban nhân dân xã P,huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Trần Thị N1, Trần Thị Phương T cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

+ *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; Điều 35 điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Xử phạt:* Văn Thị Xuân Lan 30.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- *Xử phạt:* Trần Thị H6 30.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự:

- Tuyên tịch thu sung công số tiền 7.760.000.000 đồng. Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 tấm thảm xốp màu xanh; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 tấm nệm màu tím; 01 ga nệm màu tím; 01 chiếc chăn màu đỏ xanh

- Tuyên trả lại cho Nguyễn Thị T7 1.200.000 đồng. Tiếp tục tạm giữ số tiền 200.000 đồng để bảo đảm công tác thi hành án.

- Công nhận Cơ quan CSĐT đã trả lại: 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-518.96 cho Nguyễn Tình . Trả lại 01 mô tô biển kiểm soát 47K6- 4034 ông Trần Văn P. Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-439.75 choTrần Thị Hòa. Trả lại

01 mô tô biển kiểm soát 47E1-304.09 cho Nguyễn Thị T7. Trả lại 01 xe mô tô biển kiểm soát 47E1-020.07 cho ông Lê Văn N6.

(Đặc điểm các tang vật như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02/4/2024 và biên lai thu tiền số 60AA/2021/0006480 ngày 02/4/2024 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự).

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Trương Thị A, Trần Thị N1, Trần Thị Phương T, Phan Thị Trọng, Nguyễn Thị T7, Hồ H4, Văn Thị Xuân L4, Nguyễn T5, Trần Thị H6 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo; Đương sự*
- *Lưu HSVA, VPTA.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Minh Thuấn